

**CÔNG TY TNHH TALENTSITE VIETNAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TALENTSITE VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TALENTSITE VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TALENTSITE VIETNAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109835078

**3. Ngày thành lập:** 26/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Số 1 Phố Đình Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972176480

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | 4649     |
| 2.  | Giáo dục tiểu học                  | 8521     |
| 3.  | Giáo dục trung học cơ sở           | 8522     |
| 4.  | Giáo dục trung học phổ thông       | 8523     |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                  | 8532     |
| 6.  | Đào tạo cao đẳng                   | 8533     |
| 7.  | Đào tạo đại học                    | 8541     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | <p>Giáo dục thể thao và giải trí chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trại và các trường tiến hành giảng dạy các hoạt động thể thao cho các nhóm hoặc các cá nhân. Các trại huấn luyện thể thao ban ngày và ban đêm cũng bao gồm ở đây. Nó không bao gồm các học viện, các trường cao đẳng và các trường đại học. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau, như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các cơ sở giáo dục hoặc các phương tiện giảng dạy khác. Việc dạy học ở nhóm này được tổ chức một cách chính thức.</li> <li>- Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...);</li> <li>- Dạy thể thao, cắm trại;</li> <li>- Hướng dẫn cổ vũ;</li> <li>- Dạy thể dục;</li> <li>- Dạy cưỡi ngựa;</li> <li>- Dạy bơi;</li> <li>- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;</li> <li>- Dạy võ thuật;</li> <li>- Dạy yoga.</li> </ul> | 8551        |
| 9.  | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Trung tâm ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng kiến thức văn hóa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8559(Chính) |
| 10. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn giáo dục,</li> <li>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,</li> <li>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</li> <li>+ Tư vấn du học</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8560        |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020        |
| 14. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1811        |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812        |
| 16. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7820        |
| 17. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8211        |

|     |                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục, thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao. | 4763 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Việt Nam  | Tổ 4 Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | 1.800.000.000         | 90,000    | 031059461                                                                                               |         |
| 2   | ĐỖ MINH HOÀN     | Việt Nam  | Tổ dân phố số 5, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 100.000.000           | 5,000     | 001200026135                                                                                            |         |
| 3   | PHAN THỊ TUYẾT   | Việt Nam  | Xóm 8, thôn Phú Xuyên, Xã Phú Châu, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 100.000.000           | 5,000     | 112385611                                                                                               |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031059461

Ngày cấp: 01/10/2012

Nơi cấp: Công an Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 4 Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội